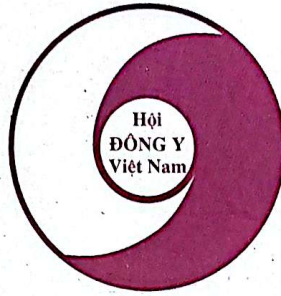


TRUNG ƯƠNG HỘI ĐÔNG Y VIỆT NAM
TTND. BS. TRẦN VĂN BẢN



BỆNH HỌC NGOẠI KHOA - THƯƠNG KHOA ĐÔNG Y



NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC

BỆNH HỌC NGOẠI KHOA - THƯƠNG KHOA ĐÔNG Y



TTND. BS. TRẦN VĂN BẢN

CÙNG MỘT TÁC GIẢ:

- * THƯƠNG HÀN LUẬN - NXB Y HỌC
- * MẠCH CHẨN Y HỌC CỔ TRUYỀN - NXB Y HỌC
- * BỆNH HỌC NỘI KHOA ĐÔNG Y - NXB Y HỌC
- * BỆNH HỌC NGOẠI KHOA, THƯƠNG KHOA ĐÔNG Y - NXB Y HỌC
- * BỆNH HỌC PHỤ KHOA ĐÔNG Y - NXB Y HỌC
- * PHƯƠNG TẾ HỌC - NXB Y HỌC



NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC

Địa chỉ: 352 Đội Cấn - Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: 04.7 625 922 - 7 625 934 * Fax: 04.7 625 923

Website: www.cimsi.org.vn/nhaxuatbanyhoc

Email: xuatbanyhoc@fpt.vn

Chi nhánh: 699 Trần Hưng Đạo - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.9 235 648 * Fax: 08.9 230 562



TRUNG ƯƠNG HỘI ĐÔNG Y VIỆT NAM

TTND. BSCC. TRẦN VĂN BẢN

BỆNH HỌC

NGOẠI KHOA - THƯƠNG KHOA

ĐÔNG Y

(Tái bản lần thứ hai, có sửa chữa và bổ sung)

NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC

HÀ NỘI - 2013

NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC

BỆNH HỌC NGOẠI KHOA - THƯƠNG KHOA ĐÔNG Y
(Tái bản lần thứ hai có sửa chữa, bổ sung)

Chịu trách nhiệm xuất bản
HOÀNG TRỌNG QUANG

Biên tập và sửa bản can:	HOÀNG BẢO KHÁNH
Trình bày bìa:	MINH HÀ
Kỹ thuật vi tính:	ĐỖ THU TRANG

MỤC LỤC

Lời giới thiệu	3
Lời nói đầu	5
PHẦN I. BỆNH HỌC NGOẠI KHOA	7
Khái niệm chung về Bệnh học ngoại khoa Đông y	7
1. Định nghĩa	7
2. Phạm vi và tên gọi của chứng bệnh ngoại khoa Đông y	7
3. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	7
* Do lục dâm	7
* Do thất tình	8
* Do ăn uống không điều độ	8
* Sinh hoạt thất thường	8
* Nhiễm các loại độc tà; trùng thú cắn	8
* Những chấn thương	8
Đặc điểm của tứ chẩn trong ngoại khoa Đông y	9
1. Vọng chẩn	9
1.1. Nhìn vị trí bị bệnh	9
1.2. Nhìn thân	10
1.3. Sắc da	10
1.4. Hình thái	10
1.5. Bì chẩn	10
1.6. Xem dây chằng môi để chẩn đoán bệnh trĩ hậu môn	10
1.7. Xem lưỡi	11
2. Văn chẩn	12
2.1. Nghe tiếng nói	12
2.2. Nghe tiếng thở	12
2.3. Nghe tiếng nôn, nấc cụt	12
2.4. Ngửi mùi vị	12

3. Vấn chẩn	12
3.1. Hỏi vị trí bị bệnh hoặc vị trí bị tổn thương	12
3.2. Quê quán	13
3.3. Tình thần hoàn cảnh	13
3.4. Hàn, nhiệt	13
3.5. Mồ hôi	13
3.6. Đau đầu	14
3.7. Đau ngực bụng	14
3.8. Đại tiểu tiện	15
3.9. Ăn uống khẩu vị	16
3.10. Tai điếc, tai ù	16
3.11. Miệng khát	16
3.12. Bệnh cũ (cựu bệnh)	16
3.13. Phụ nữ, trẻ em	17
4. Thiết chẩn	17
4.1. Xúc chẩn	17
4.2. Xem mạch	18

Biện chứng trong ngoại khoa Đông y

1. Biện chứng (phân biệt) các chứng trạng thường gặp trong ngoại khoa	19
1.1. Chứng phù	19
1.2. Chứng đau	20
1.3. Chứng ngứa	20
1.4. Chứng mủ	21
1.4.1. Biện chứng về số lượng mủ	21
1.4.2. Biện chứng vị trí mủ	21
1.4.3. Biện chứng tính chất, sắc thái, khí vị của mủ	22
1.5. Biện chứng tê dại	22
1.6. Biện chứng loét	23

1.6.1. Hình thái ổ loét	23
1.6.2. Màu sắc của ổ loét	23
2. Biện chứng âm dương	24
3. Biện chứng lành dữ thuận nghịch	24
3.1. Biện chứng lành, dữ	25
3.1.1. Năm chứng lành	25
3.1.2. Bảy chứng dữ	25
3.2. Biện chứng thuận nghịch	26
3.2.1. Chứng thuận	26
3.2.2. Chứng nghịch	26

Đặc điểm phép điều trị ngoại khoa Đông y

1. Phép chữa trị bên trong	26
1.1. Phép tiêu	27
1.1.1. Phép giải biểu	27
1.1.2. Phép công lý	27
1.1.3. Phép thanh nhiệt	28
1.1.4. Phép ôn thông	28
1.1.5. Phép tiêu đàm	29
1.1.6. Phép lý thấp	29
1.1.7. Phép lý khí	29
1.1.8. Phép hoà dinh	29
1.2. Phép thác	30
1.2.1. Phép thấu thác	30
1.2.2. Phép bổ thác	30
1.3. Phép bổ	30
1.3.1. Bổ khí dưỡng huyết	31
1.3.2. Bổ âm	31
1.3.3. Bổ dương	31
1.3.4. Dưỡng vị	31

2. Phép chữa trị bên ngoài	31
2.1. Phương pháp chữa trị dùng thuốc	32
2.1.1. Đắp lá thuốc tươi	32
2.1.2. Thuốc cao	32
1.3. Thuốc tán dạng hồ	32
1.4. Thuốc bột	33
2.2. Phương pháp chữa trị dùng thủ thuật	33
2.2.1. Phương pháp chích	33
2.2.2. Phương pháp rạch da	34
2.2.3. Phương pháp là (đốt nóng)	34
2.2.4. Phương pháp chích lễ	34
2.2.5. Phương pháp xâu chỉ	34
2.2.6. Phương pháp thắt chỉ	34
2.3. Một số phương pháp khác	34
2.3.1. Giác hút mũi	35
2.3.2. Xông hơi	35
2.3.3. Dẫn lưu tháo mũi	35
2.3.4. Ngâm rửa	35
2.3.5. Châm	35
Quan niệm tổng thể một số chứng trạng có tính bao hàm của Đông y	36
1. Sang dương	36
1.1. Đại cương	36
1.2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	36
1.2.1. Nguyên nhân gây bệnh do...	36
1.2.2. Các nguyên nhân gây nên phản ứng...	36
1.3. Biện chứng luận trị chung	36
1.3.1. Biện chứng sang dương cũng như biện chứng nội khoa...	36
1.3.2. Biện chứng sang dương cần chú ý...	37
1.4. Phương pháp điều trị chung	38
1.4.1. Thuốc uống trong	38

1.4.2. Thuốc và phương pháp điều trị ngoài	38
2. Chứng anh	38
2.1. Đại cương	38
2.2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh chung	38
2.3. Biện chứng luận trị	39
2.3.1. Chứng khí anh	39
2.3.2. Chứng thạch anh	39
2.3.3. Chứng nhục anh	39
3. Một số tên (hoặc từ ngữ) các chứng trạng thường gọi theo	39
Đồng ý: Ung, thũng, thư, nham, phát bối, anh, lựu, lưu chú...	39
3.1. Ung	39
3.2. Thũng	39
3.3. Thư	39
3.4. Nham	39
3.5. Phát bối	40
3.6. Lưu chú	40

Một số hình ảnh các chứng bệnh ngoại khoa trong

Y tôn Kim giám ngoại khoa

40

Các chứng bệnh ngoại khoa Đông y

1. *Mụn nhọt*

1. Đại cương	100
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	100
3. Biện chứng luận trị	100
3.1. Nhiệt độc	100
3.2. Âm hư	101
3.3. Khí hư	101
4. Phòng bệnh và hộ lý	102
2. <i>Đinh râu</i>	102
1. Đại cương	102

407

2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	103
3. Biện chứng luận trị	103
3.1. Sơ kỳ	103
3.2. Trung kỳ	103
3.3. Hậu kỳ	104
4. Phòng bệnh và hộ lý	104
3. Đầu đinh (chín mề)	105
1. Đại cương	105
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	105
3. Biện chứng luận trị	105
3.1. Sơ kỳ	106
3.2. Trung kỳ	106
3.3. Hậu kỳ	107
4. Phòng bệnh và hộ lý	108
4. Cảnh ung	108
1. Đại cương	108
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	108
3. Biện chứng luận trị	108
3.1. Sơ kỳ	109
3.2. Trung kỳ	109
3.3. Hậu kỳ	110
4. Phòng bệnh và hộ lý	111
5. Loa lịch	111
1. Đại cương	111
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	112
3. Biện chứng luận trị	112
3.1. Nhiệt độc, can uất, đàm ngưng	112
3.2. Đàm ngưng hoá nhiệt	113
3.3. Khí huyết hư	114
4. Phòng bệnh và hộ lý	115

6. Lưu chú	115
1. Đại cương	115
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	116
3. Biện chứng luận trị	116
3.1. Nhiệt độc thịnh	116
3.2. Chính khí hư tà truyền	117
4. Phòng bệnh và hộ lý	118
7. Tiền độc	118
1. Đại cương	118
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	118
3. Biện chứng luận trị	119
3.1. Tiền độc do quyết âm kinh thấp nhiệt	119
3.2. Tiền độc do kỳ kinh và xung nhâm	119
3.3. Tiền độc do cam thương	120
4. Phòng bệnh và hộ lý	121
8. Lưu đàm	121
1. Đại cương	121
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	121
3. Biện chứng luận trị	122
3.1. Sơ kỳ	122
3.2. Trung kỳ	122
3.3. Hậu kỳ	123
4. Phòng bệnh và hộ lý	124
9. Đồn ung (mụn ở mông)	124
1. Đại cương	124
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	125
3. Biện chứng luận trị	125
4. Phòng bệnh và hộ lý	126
10. Trường ung (mụn mọc trong ruột)	126
1. Đại cương	126

2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	126
3. Biện chứng luận trị	126
3.1. Giai đoạn tích thấp nhiệt độc	126
3.2. Nội đở sinh ung và ung thư ác độc	127
4. Phòng bệnh và hộ lý	128
11. Nhũ ung	128
1. Đại cương	128
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	129
3. Biện chứng luận trị	129
3.1. Giai đoạn nhũ thống (sữa ứ trệ)	129
3.2. Giai đoạn ung (làm mủ)	130
3.3. Giai đoạn hối thương (vỡ mủ)	131
4. Phòng bệnh và hộ lý	132
12. Huyền ung (viêm mào tinh hoàn)	133
1. Đại cương	133
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	133
3. Biện chứng luận trị	133
3.1. Thấp nhiệt hạ chú	133
3.2. Can kinh uất nhiệt	134
4. Phòng bệnh và hộ lý	134
13. Thốc sang (thốc thương)	135
1. Đại cương	135
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	135
2.1. Chốc đầu	135
2.2. Loạn phát	135
3. Biện chứng luận trị	136
3.1. Chốc đầu	136
3.2. Loạn phát	137
4. Phòng bệnh và hộ lý	137
14. Giới sang	138

1. Đại cương	138
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	138
3. Biện chứng luận trị	138
3.1. Giới thương	138
3.2. Can dưỡng	139
3.3. Dưỡng phong	140
3.4. Dưỡng thấp	141
4. Phòng bệnh và hộ lý	142
15. Thấp chân (thấp sang)	143
1. Đại cương	143
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	143
3. Biện chứng luận trị	143
3.1. Huyết hư phong táo	143
3.2. Thấp nhiệt	144
4. Phòng bệnh và hộ lý	146
16. Nga chướng phong (nấm bàn tay, bàn chân)	146
1. Đại cương	146
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	146
3. Biện chứng luận trị	146
3.1. Thể thấp nhiệt	146
3.2. Huyết hư phong táo	147
4. Phòng bệnh và hộ lý	148
17. Hoả đới sang (tri thủ sang, xà đơn)	148
1. Đại cương	148
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	148
3. Biện chứng luận trị	149
3.1. Can kinh uất nhiệt	149
3.2. Tỳ hư thấp trệ	150
3.3. Khí trệ huyết ứ	151
4. Phòng bệnh và hộ lý	151

18. Tiễn sang (ghế)	152
1. Đại cương	152
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	152
3. Biện chứng luận trị	152
3.1. Giai đoạn phong trùng xâm nhập	152
3.2. Giai đoạn phong trùng hiệp thấp nhiệt độc	153
4. Phòng bệnh và hộ lý	154
19. Phá thương phong (uốn ván)	154
1. Đại cương	154
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	155
3. Biện chứng luận trị	155
3.1. Tà ở bán biểu bán lý	155
3.2. Tà nhập lý	156
4. Phòng bệnh và hộ lý	156
20. Dương mai sang (sương)	157
1. Đại cương	157
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	157
3. Biện chứng luận trị	157
3.1. Dương mai sương sơ khởi	157
3.2. Giang mai sương độc	159
21. Hạ cam	160
1. Đại cương	160
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	160
3. Biện chứng luận trị	160
3.1. Giai đoạn phát bệnh	160
3.2. Giai đoạn phục hồi	161
4. Phòng bệnh và hộ lý	162
22. Trĩ lậu (trĩ hậu môn)	162
1. Đại cương	162
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	162

3. Biện chứng luận trị	163
A. Điều trị nội khoa	165
3.1. Trĩ thể huyết ứ	165
3.2. Trĩ thể thấp nhiệt	165
3.3. Trĩ thể nhiệt độc	166
3.4. Trĩ thể khí huyết hư	167
B. Điều trị ngoại khoa	167
4. Phòng bệnh và hộ lý	168
23. Trĩ dò (dò hậu môn)	168
1. Đại cương	168
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	168
3. Biện chứng luận trị	169
3.1. Thể thấp nhiệt	169
3.2. Thể âm hư	170
3.3. Thể khí huyết lưỡng hư	170
4. Phòng bệnh và hộ lý	171
24. Hôi thương (vết thương lâu lành)	171
1. Đại cương	171
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	172
3. Biện chứng luận trị	172
3.1. Thể thấp nhiệt	172
3.2. Thể hư hàn	173
4. Phòng bệnh và hộ lý	174
25. Thoát thư	174
1. Đại cương	174
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	175
3. Biện chứng luận trị	175
3.1. Hư hàn	175
3.2. Khí trệ huyết ứ	176
3.3. Nhiệt độc thịnh	177

3.4. Khí huyết lưỡng hư	178
4. Phòng bệnh và hộ lý	178
26. Phụ cốt thư	178
1. Đại cương	178
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	179
3. Biện chứng luận trị	179
4. Phòng bệnh và hộ lý	180
27. Đơn độc	181
1. Đại cương	181
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	181
3. Biện chứng luận trị	181
3.1. Phong nhiệt thịnh	181
3.2. Can kinh uất hoá	182
3.3. Thấp nhiệt hạ chú	183
3.4. Nhiệt độc nội công	183
4. Phòng bệnh và hộ lý	184
28. Khí anh	185
1. Đại cương	185
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	185
3. Biện chứng luận trị	185
3.1. Khí trệ đàm ngưng	186
3.2. Thận dương hư tổn	186
4. Phòng bệnh và hộ lý	187
29. Nhục anh	187
1. Đại cương	187
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	188
3. Biện chứng luận trị	188
3.1. Khí trệ đàm ngưng	188
3.2. Vị tỳ hư nhiệt	189
3.3. Can thận âm hư	189

3.4. Đàm ứ ngưng kết	190
4. Phòng bệnh và hộ lý	191
30. Khí lưu	191
1. Đại cương	191
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	191
3. Biện chứng luận trị	191
4. Phòng bệnh và hộ lý	192
31. Huyết lưu	192
1. Đại cương	192
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	193
3. Biện chứng luận trị	193
3.1. Tâm hỏa thịnh	193
3.2. Khí huyết ứ trệ	194
4. Phòng bệnh và hộ lý	194
32. Nhũ nham	194
1. Đại cương	194
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	195
3. Biện chứng luận trị	195
3.1. Can uất đàm ngưng	195
3.2. Xung nhâm thất điều	196
4. Phòng bệnh và hộ lý	197
33. Trưng hà	197
1. Đại cương	197
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	197
3. Biện chứng luận trị	198
3.1. Huyết ứ	198
3.2. Khí trệ	199
3.3. Đàm tích	199
4. Phòng bệnh và hộ lý	200

34. Điển phong	200
1. Đại cương	200
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	200
3. Biện chứng luận trị	200
3.1. Bạch điển phong	200
3.2. Tử điển phong	201
4. Phòng bệnh và hộ lý	202
35. Vạn phong	202
1. Đại cương	202
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	202
3. Biện chứng luận trị	202
4. Phòng bệnh và hộ lý	203
36. Phấn thích (toả sang - trừng cá)	204
1. Đại cương	204
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	204
3. Biện chứng luận trị	204
3.1. Phế kinh phong nhiệt	204
3.2. Trường vị thấp nhiệt	205
3.3. Xung - Nhâm thích phấn	205
4. Phòng bệnh và hộ lý	206

Phần II: Bệnh học thương khoa

Một số khái niệm chung về thương khoa (chấn thương) Đông y

1. Định nghĩa	207
2. Nguyên nhân	207
3. Đặc điểm chẩn đoán trong thương khoa	207
3.1. Vọng chẩn	208
3.1.1. Nhìn toàn thân	208
3.1.2. Cục bộ tại chỗ bị tổn thương	209
3.2. Vấn chẩn	212
3.2.1. Nguyên nhân gây ra bệnh	212

3.2.2. Cảm giác đau và các chứng trạng khi bị chấn thương	212
3.3. Vấn chấn	213
3.3.1. Tiếng nói, tiếng kêu rên	213
3.3.2. Tiếng va chạm của xương	213
3.4. Thiết chấn	213
3.4.1. Xúc chấn	213
3.4.2. Xem mạch	214
4. Đặc điểm, chứng trạng và cách chữa	215
4.1. Ngoại thương	215
4.1.1. Chấn thương	215
4.1.2. Bong gân, trật khớp	216
4.1.3. Chiết thương	217
4.1.4. Thang hoả (bỏng)	220
4.2. Nội thương	221
4.2.1. Tổn thương khí huyết	221
4.2.2. Tổn thương tạng phủ	221

Các chứng bệnh thường gặp trong chiết thương 223

1. Trật khớp vai 223

1. Đại cương 223
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh 223
3. Biện chứng luận trị 223
4. Phòng bệnh và hộ lý 224

2. Trật khớp khuỷu tay 224

1. Đại cương 224
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh 224
3. Biện chứng luận trị 225
4. Phòng bệnh và hộ lý 226

3. Trật khớp háng 226

1. Đại cương 226
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh 226

3. Biện chứng luận trị	226
4. Phòng bệnh và hộ lý	228
4. Trật đốit sống thất lưng (thoát vị đĩa đệm)	228
1. Đại cương	228
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	228
3. Biện chứng luận trị	228
4. Phòng bệnh và hộ lý	229
5. Trật khớp hàm	230
1. Đại cương	230
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	230
3. Biện chứng luận trị	230
4. Phòng bệnh và hộ lý	231
6. Kim thương	231
1. Đại cương	231
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	231
3. Biện chứng luận trị	231
4. Phòng bệnh và hộ lý	233
7. Bong gân	233
1. Đại cương	233
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	233
3. Biện chứng luận trị	233
3.1. Bong gân khớp cổ chân	233
3.2. Bong gân khớp cổ tay	234
4. Phòng bệnh và hộ lý	235
8. Gãy xương cánh tay	235
1. Đại cương	235
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	235
3. Biện chứng luận trị	235
4. Phòng bệnh và hộ lý	236

9. Gãy xương cẳng tay	237
1. Đại cương	237
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	237
3. Biện chứng luận trị	237
4. Phòng bệnh và hộ lý	238
10. Gãy xương đùi	239
1. Đại cương	239
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	239
3. Biện chứng luận trị	239
4. Phòng bệnh và hộ lý	241
11. Gãy xương cẳng chân	241
1. Đại cương	241
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	241
3. Biện chứng luận trị	241
4. Phòng bệnh và hộ lý	243
12. Thang hoá (bỏng)	244
1. Đại cương	244
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	244
3. Biện chứng luận trị	244
3.1. Thể hoá thịnh thương âm	244
3.2. Thể âm tổn cấp dương	245
3.3. Thể khí huyết lưỡng hư	245
4. Phòng bệnh và hộ lý	246
13. Trùng thú cắn	247
1. Đại cương	247
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	248
3. Biện chứng luận trị	248
3.1. Ngô công đốt	248
3.2. Trĩ thú đốt (Loại nhện to hoặc nhện rừng)	248
3.3. Mèo, chó, chuột cắn	248
	419

3.4. Ngựa cắn	248
3.5. Xà thương (rán cắn)	249
4. Phòng bệnh và hộ lý	249
14. Chấn thương đến tạng tâm	249
1. Đại cương	249
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	249
3. Biện chứng luận trị	250
4. Phòng bệnh và hộ lý	250
15. Chấn thương đến tạng phế	251
1. Đại cương	251
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	251
3. Biện chứng luận trị	251
4. Phòng bệnh và hộ lý	252
16. Chấn thương đến tạng can	252
1. Đại cương	252
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	252
3. Biện chứng luận trị	252
4. Phòng bệnh và hộ lý	253
17. Chấn thương đến tạng tỳ	253
1. Đại cương	253
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	254
3. Biện chứng luận trị	254
4. Phòng bệnh và hộ lý	254
18. Chấn thương đến tạng thận	255
1. Đại cương	255
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	255
3. Biện chứng luận trị	255
4. Phòng bệnh và hộ lý	256
19. Chấn thương đến đờm phủ	256
1. Đại cương	256

2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	256
3. Biện chứng luận trị	256
4. Phòng bệnh và hộ lý	257
20. Chấn thương đến vị phủ	258
1. Đại cương	258
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	258
3. Biện chứng luận trị	258
4. Phòng bệnh và hộ lý	259
21. Chấn thương đến tiểu trường	259
1. Đại cương	259
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	260
3. Biện chứng luận trị	260
4. Phòng bệnh và hộ lý	260
22. Chấn thương đến đại trường	261
1. Đại cương	261
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	261
3. Biện chứng luận trị	261
4. Phòng bệnh và hộ lý	262
23. Chấn thương đến bàng quang	262
1. Đại cương	262
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh	262
3. Biện chứng luận trị	262
4. Phòng bệnh và hộ lý	263
Các phương thang sử dụng trong ngoại khoa và thương khoa	264
1. An cung ngưng hoàng hoàn	264
2. An thần hoàn	264
3. An thai hoà khí ẩm	265
4. Âm độc nội tiêu tán	265
5. Bách hợp tán	266

6. Bạch chỉ thăng ma thang	266
7. Bạch hoa xà tán	267
8. Bảo trăn cao	267
9. Bát bảo sinh cơ đan	268
10. Bát tiên trường thọ	269
11. Bát trăn thang	269
12. Bát trăn thang gia giảm	270
13. Băng băng tán	270
14. Bát hoán kim chính tán	270
15. Bích vân tán	271
16. Bình nô đan	271
17. Bồ cân thang	271
18. Bồ trung ích khí thang	272
19. Bồ thận trắng cân thang	272
20. Bồ trung trắng độc thang	273
21. Cam thông tiên	273
22. Cách soi lửa	274
23. Cầm liên bình vị thang	274
24. Cầm liên nhị mẫu hoàn	274
25. Can khương sinh cơ tán	275
26. Châm bằng môi lửa (lôi hỏa thần châm)	275
27. Chí bảo đơn	276
28. Chính cốt đan	276
29. Chính cốt khổ tửu cao	277
30. Chỉ thống như thần thang	278
31. Chỉ huyết hắc như nhung điểm	278
32. Cố bộ thang gia giảm	279
33. Cúc hoa thanh táo thang	279
34. Cửu băng que đầu	280
35. Cửu cách bánh đậu sị	280

36. Cấu cách bánh phụ tử	280
37. Cấu cách tội	281
38. Cấu nhất đản	281
39. Dương độc nội tiêu tán	281
40. Dương hoà giải ngưng cao	282
41. Dương hoà thang	283
42. Đại hoàng giá trùng hoàn	284
43. Đại phòng phong thang	284
44. Đại thành thang	285
45. Đào nhân thừa khí thang	285
46. Đào hoa tán	285
47. Đào hồng tử vật thang gia giảm	286
48. Điều nguyên thận khí hoàn	286
49. Điều trung đại thành thang	287
50. Đoạt mệnh đan	288
51. Độc hoạt thang	288
52. Dương quy âm tử	289
53. Dương quy đạo trệ tán	289
54. Dương quy tán	290
55. Dương quy tán ứ thang	290
56. Gia vị thái ẩm cao	291
57. Gia vị tứ quân tử thang	292
58. Gia vị quy tý thang	292
59. Gia vị tiêu dao tán	293
60. Gia vị thừa khí thang	293
61. Giải độc đại thanh thang	294
62. Giải độc tể sinh thang	294
63. Giải độc thang gia vị	295
64. Giang phiêu hoàn	295
65. Hải ngải thang	296
	423

66. Hải tảo ngọc hồ thang	296
67. Hải tảo ngọc hồ thang hợp Ngọc nữ tiên gia giảm	297
68. Hải tảo ngọc hồ thang hợp Tiểu kim đơn	297
69. Hoa đà lữ hiệu tán	298
70. Hoà giải thang	298
71. Hoà thượng hoàn	299
72. Hoà vinh tán kiên hoàn	300
73. Hoá ban giải độc thang	301
74. Hoá độc thanh biểu thang	301
75. Hoá kiên nhị trần hoàn	302
76. Hoàng cầm thang	302
77. Hoàng liên cao	302
78. Hoàng liên giải độc thang	303
79. Hoàng liên giải độc thang hợp Ngũ thần thang	303
80. Hoàng liên giải độc phối hợp với Trúc điệp thạch cao thang	303
81. Hoàng liên giải độc thang gia giảm	304
82. Hoàng liên tiêu độc ẩm	304
83. Hoạt huyết địa hoàng thang gia giảm	305
84. Hoè hoa tán gia vị	306
85. Hồ liên truy độc hoàn	306
86. Hồ ma hoàn	306
87. Hổ phách tán	307
88. Hồ ma tán	307
89. Hồi dương ngọc long cao	308
90. Hồi sinh đơn	308
91. Hồng linh đơn	310
92. Huyết kiệt tán	310
93. Huyết phủ trực ứ thang	311
94. Huyết phủ trực ứ thang gia giảm	311
95. Hương bối dưỡng vinh thang	312

96. Hương lăng hoàn gia giảm	312
97. Ích khí dưỡng vinh thang	313
98. Kế minh tán	313
99. Khổ sâm địa hoàng hoàn	314
100. Khởi trí thang	314
101. Khung quy thang	314
102. Khư phong bại độc tán	315
103. Khư phong địa hoàng hoàn	315
104. Khư phong hoán cơ hoàn	316
105. Khương hoạt xung hoà cao	316
106. Kim đan thoái xác tử	317
107. Kim hoàng tán	317
108. Kim phần độc thánh đan	318
109. Kinh phòng bại độc tán	318
110. Lậu lô thang	319
111. Lê động hoàn	319
112. Liên kiều tiêu độc ẩm	320
113. Long đởm tả can thang	320
114. Long đởm tả can thang gia giảm	321
115. Lý trung hoàn	321
116. Lục uất thang	322
117. Lục vị tri bá	322
118. Lục vị địa hoàng gia giảm	322
119. Lương cách tán	323
120. Lương huyết địa hoàng thang	323
121. Ma hoàng tá kinh thang	324
122. Mộc hương bính	324
123. Mộc hương lưu khí ẩm	324
124. Nảo sa tán	325
125. Nhân sâm dưỡng vinh thang	326
	425

126. Nhân sâm thanh sâm thang	326
127. Nhân trần cao thang gia giảm	327
128. Nhất lập kim đan	327
129. Nhị vị sâm tô ẩm	327
130. Như thánh kim đao tán	328
131. Nhũ hương định thống tán	328
132. Ngải nhung phụ pháp	328
133. Ngọc chân tán	329
134. Ngọc khu đơn	329
135. Nguyên hoa tuyến	329
136. Ngũ hổ đơn	330
137. Ngũ hương lưu khí tán	330
138. Ngũ vị tiêu độc tán	331
139. Ngũ vị tiêu độc ẩm gia giảm	331
140. Ngũ thạch tán	331
141. Ngũ tích tán	332
142. Nguu bàng giải cơ thang hợp Thấu nùng tán gia giảm	332
143. Nguu bàng giải cơ thang	333
144. Nội bổ thập tuyên tán	333
145. Nội thác an thân tán	334
146. Nội thác hoàng kỳ thang	334
147. Nội thác khương hoạt thang	335
148. Nội thác tửu tiến thang	335
149. Nội sơ hoàng liên giải độc thang phối hợp với thấu nùng gia giảm	336
150. Nội tiêu điều kinh tán	337
151. Nội tiêu ốc tuyết thang	337
152. Ô xà tán	338
153. Phòng kỷ tán	339
154. Phòng phong thông thánh tán	339
155. Phục linh tá kinh thang	340

156. Phổ tế tiêu độc ẩm gia giảm	340
157. Phù bình hoàn	341
158. Phục mạch thang	341
159. Phục nguyên hoạt huyết thang	342
160. Qua lâu ngưng băng thang gia giảm	342
161. Quất điệp quất lâu tán	343
162. Quốc lão thang	343
163. Quy linh nội thác tán	344
164. Quy tỳ thang	344
165. Sài hồ thanh can thang	345
166. Sài long tiêu lự thang	345
167. Sang khoa lưu khí ẩm	346
168. Sâm hoàng tán	346
169. Sinh địa mạch đông ẩm	347
170. Sinh cơ ngọc hồng cao	347
171. Sơ phong thanh can thang	348
172. Sơ giáp nội tiêu tán	348
173. Tam diệu tán	349
174. Tam hoàng bảo lập hoàn	349
175. Tả hoàng tán	350
176. Tả quy hoàn gia thiên hoa phấn, thăng ma, hạnh nhân	350
177. Tán phong khổ sâm hoàn	351
178. Tán thũng cao	351
179. Tán ứ hoà thương thang	352
180. Tán lang hoàn	352
181. Tần giao hoàn	353
182. Tê giác địa hoàng hợp Hoàng liên giải độc thang	353
183. Tê giác tán	353
184. Tê giác thăng ma hoàn	354
185. Thanh can giải uất thang	354

186. Thanh cốt tán	355
187. Thanh cơ thẩm thấp thang	355
188. Thanh lương cam lộ ẩm	356
189. Thanh lương viên	357
190. Thanh hồn tán	357
191. Thanh thần tán	357
192. Thanh vị tán	358
193. Thác lý bài nùng thang	358
194. Thác lý giải độc thang	359
195. Thác lý tiêu độc tán gia giảm	359
196. Thác lý thấu nùng thang	360
197. Thần khí tả vinh thang	360
198. Thần tác hoàn	361
199. Thần thụ vệ sinh thang	361
200. Thần ứng dưỡng chân thang	362
201. Thần vị tán	363
202. Thập lục vị tiêu khí ẩm	363
203. Thập vị sâm tô ẩm	364
204. Thất lý tán	364
205. Thấu nùng tán gia vị	365
206. Thăng ma tiêu độc ẩm	365
207. Thiêm tô hoàn	366
208. Thiên kim lậu lô thang	366
209. Thiên kim nội tiêu tán	367
210. Thiểu âm cam cát thang	367
211. Thông khí tán kiên hoàn	368
212. Thông lý thang	369
213. Thông mạch hoạt huyết thang	369
214. Thông quan tán	369
215. Thông quy thấp thũng thang	370

216. Thư tương hoạt huyết thang	370
217. Thương phụ đạo đờm hoàn	371
218. Tiên phương hoạt mệnh ẩm gia giảm	371
219. Tiên thiên đại tạo hoàn	372
220. Tiên độc thũng thống	373
221. Tiếp cốt đan	373
222. Tiếp cốt thương cao	374
223. Tiêu can bại độc tán	375
224. Tiêu độc hoá kiên thang	375
225. Tiêu lự bích ngọc tán	376
226. Tiêu lự nhị phản cao	376
227. Tiêu phong tán	376
228. Tiêu phong tán hợp Long đờm tả can thang gia giảm	377
229. Tiểu hoạt lạc đan	378
230. Tỳ bà thanh phế ẩm	378
231. Tỳ giải thẩm thấp thang	379
232. Tỳ giải thẩm thấp hợp Ngũ thần thang gia giảm	379
233. Tỳ giải thẩm thấp thang hợp Ngũ linh tiêu độc ẩm	379
234. Tráng cân dưỡng huyết thang	380
235. Tri bá địa hoàng hoàn gia côn bố, hải phù thạch	380
236. Trúc điệp liêu bàng thang	381
237. Truy thanh tán	381
238. Truy phong hoàn	382
239. Trư đề thang	382
240. Trừ thấp vị linh thang gia giảm	383
241. Tư âm trừ thấp thang	383
242. Tư thận bảo nguyên thang	384
243. Tướng quân thang	384
244. Tứ diệu thang	385
245. Tứ diệu thang gia giảm	385
	429

246. Tứ hải sơ uất hoàn	385
247. Tứ thuận thanh lương ẩm	386
248. Tứ vật thang hợp Tỳ giải thẩm thấp thang gia giảm	386
249. Tứ vật thang hợp Trị tiên phương	387
250. Tử kim đan	387
251. Tử kim đỉnh	388
252. Tử kim tán	388
253. Tử tô lưu khí ẩm	388
254. Tử tuyết đơn	389
255. Xạ quế bảo chân cao	390
256. Xung hoà cao	391
257. Xung nhâm ẩm tử	391

Phụ chú: Kết hợp Đông - Tây y về trị hậu môn

- Những quan niệm về nguyên nhân, cơ chế, cách gọi tên trĩ hậu môn	393
- Triệu chứng lâm sàng	396
- Chẩn đoán phân biệt	396
- Biến chứng	396
- Phương pháp điều trị trĩ	397
1. Nguyên tắc chung	397
2. Điều trị cụ thể	397
2.1. Điều trị toàn thân	397
2.1.1. Trĩ giai đoạn huyết ứ	397
2.1.2. Trĩ giai đoạn thấp nhiệt	398
2.1.3. Trĩ giai đoạn nhiệt độc	400
2.1.4. Trĩ giai đoạn khí huyết hư	400
2.2. Điều trị tại chỗ	401
2.3. Điều trị kết hợp YHHD và YHCT	401

Tài liệu tham khảo

402